



IP67

CAT III

300 V

Thiết bị đo điện trở nối đất cơ bản trong mọi điều kiện

Phép đo điện trở nối đất

- Phương pháp đo 3 cọc – Đo điện trở nối đất sử dụng đầu đo phụ
- Phương pháp đo 2 cọc

Tính năng

- Đo điện trở cọc phụ R_H và R_S
- Thực hiện phép đo với điện áp nhiều đến 100 V
- Hiển thị trạng thái pin
- Lựa chọn dải điện áp lớn nhất (25 V và 50 V)
- Tính năng tự động tắt

Tổng quan

MRU-10 là một thiết bị đo đơn giản, có chức năng đo điện trở nối đất bằng phương pháp điện áp rơi và phương pháp đo hai cực, dễ sử dụng, có khả năng chống nhiễu và có độ chính xác cao.

MRU-10 cho phép kiểm tra chất lượng hệ thống nối đất dựa trên kết quả đo điện trở thu được. Với thiết kế vừa tay, vỏ bền, chắc chắn với màn hình lớn và sắc nét giúp thiết bị trở nên lý tưởng để sử dụng tại hiện trường và các môi trường làm việc khác. Thiết bị hoạt động đơn giản, trực quan, trở thành sự lựa chọn hoàn hảo cho các nhà thầu lắp đặt điện, kỹ thuật viên và chuyên gia trong việc thực hiện các phép đo nối đất.



Thông số kỹ thuật

Tính năng đo	Dải đo	Dải hiển thị	Độ phân dải	Độ chính xác ±(% m.v. + digits)
Điện áp nhiều	0 V...100 V	0 V...100 V	1 V	±(10% m.v. + 1 digit)
Điện trở đất				
Phương pháp đo 2 cọc	0.00...9999 Ω	0.00...9999 Ω	từ 0.01 Ω	từ ±(3% m.v. + 3 digits)
Phương pháp đo 3 cọc	0.53...9999 Ω Theo EN 61557-5	0.00...9999 Ω	từ 0.01 Ω	từ ±(3% m.v. + 3 digits)
Điện trở điện cực phụ	0 Ω...19.9 kΩ	0 Ω...19.9 kΩ	từ 1 Ω	±(5% + 8 digits)

Điều kiện làm việc và an toàn

Cấp đo lường theo EN 61010	III 300 V
Cấp bảo vệ	IP67
Cấp cách điện theo EN 61010-1 và IEC 61557	Cấp II
Kích thước	221 x 102 x 62 mm 8.7" x 4.0" x 2.4"
Khối lượng	ca. 660 g ca. 1.4 lbs
Nhiệt độ làm việc	-10...+50°C 14...122°F
Nhiệt độ lưu trữ	-20...+60°C -2...+140°F
Độ ẩm hoạt động	20...90%
Nhiệt độ tham chiếu	23 ± 2°C 73.4°F ± 3.6°F
Độ ẩm tham chiếu	40%...60%

Thông tin bổ sung

Tiêu chuẩn chất lượng, thiết kế và sản xuất	ISO 9001
Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn EMC (Tương thích điện từ trong môi trường công nghiệp) Theo	EN 61326-1 EN 61326-2-2

Phụ kiện tiêu chuẩn



Dây đo 2.2 m, đen, 1 kV (giắc chuỗi)
WAPRZ2X2BLBB



Dây đo 15 m, đỏ (giắc chuỗi)
WAPRZ015REBBN



Dây đo 30 m, vàng
WAPRZ030YEBBN



Kẹp cá sấu, đen, 1 kV, 20 A
WAKROBL20K01



4 x Pin alkaline 1.5 V AA, LR6



2 x cọc tiếp địa (rod), 25 cm
WASONG25



Dây treo M1
WAPOZSZE4
Móc treo M1
WAPOZUCH1



Túi đựng M6
WAFUTM6



Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhà máy

Optional accessories



Kẹp cá sấu 1 kV 20 A đỏ / xanh / vàng
WAKRORE20K02
WAKROBU20K02
WAKROYE20K02



Dây đo 1.2 m (giắc chuỗi) đen / xanh / vàng
WAPRZ1X2BLBB
WAPRZ1X2BUBB
WAPRZ1X2YEBB



Que đo 1 kV (Ổ cắm chuỗi) Đen / xanh / vàng
WASONBUOGB1
WASONBLOGB1
WASONYEOGB1



Đầu đo +Cuộn 25 / 30 m, cho MRU (ổ cắm chuỗi), đỏ
WAPRZ025REBBSZ
WAPRZ030REBBSZ



Đầu đo +cuộn 15 m, cho MRU (ổ cắm chuỗi), xanh
WAPRZ015BUBBSZ



Đầu đo +Cuộn 50 m cho MRU (ổ cắm chuỗi), vàng
WAPRZ050YEBBSZ



Đầu đo kèm cuộn dây, đỏ 75 m / 100 m / 200 m
WAPRZ075REBBSZ
WAPRZ100REBBSZ
WAPRZ200REBBSZ



Đầu đo kèm cuộn dây, xanh 75 m / 100 m / 200 m
WAPRZ075BUBBSZ
WAPRZ100BUBBSZ
WAPRZ200BUBBSZ



Đầu đo kèm cuộn dây, vàng 75 m / 100 m / 200 m
WAPRZ075YEBBSZ
WAPRZ100YEBBSZ
WAPRZ200YEBBSZ



Kẹp, giắc chuỗi
WAZACIMA1



Cọc tiếp địa 30 cm / 80 cm
WASONG30
WASONG80V2



Túi L3 cho đầu cực 80 cm
WAFUTL3



Cuộn dây
WAPOZSZP1



Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của phòng thí nghiệm độc lập